TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 23/01/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Y Tha Mlô

- Ông Trương Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/TLST-DS ngày 06/6/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 19/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T – sinh năm 1953 (có mặt)
Địa chỉ: CVA, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
- Bị đơn: Ông Nguyễn Mậu N (vắng mặt), bà Bùi Thị P (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn HT, xã QH, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:***

Ngày 02/2/2016 vợ chồng ông Nguyễn Mậu N và bà Bùi Thị P có vay của tôi số tiền 80.000.000 đồng và cam kết khi nào tôi cần thì trả ngay. Nhiều lần tôi đã yêu cầu vợ chồng ông N, bà P trả nhưng ông bà cứ hẹn hết ngày này qua ngày khác không trả cho tôi.

Nay tôi yêu cầu ông Nguyễn Mậu N và bà Bùi Thị P trả cho tôi số tiền 80.000.000 đồng, tôi không yêu cầu trả lãi.

**** Bị đơn ông Nguyễn Mậu N, bà Bùi Thị P không tham gia tố tụng tại Tòa án***

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Bùi Thị P phải trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Mậu N. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Mậu N, bà Bùi Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông N là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Mậu N, việc rút đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Mậu N.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy vay tiền đề ngày 02/12/2016 thì bà Lê Thị T cho bà Bùi Thị P vay số tiền 80.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, mà chỉ thỏa thuận khi nào bà T cần thì bà Ph sẽ trả đủ, các bên thỏa thuận không lấy lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị P không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của bà Bùi Thị P trong giấy vay tiền đề ngày 01/12/2016. Tại Kết luận giám định số 1328/LL-KLHS ngày 03/11/2023 của Phòng Kỹ Thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị P trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, đã có căn cứ để xác định nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn bà Bùi Thị P đã giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị T đã yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị P trả tiền nhiều lần nhưng bị đơn bà Bùi Thị P không trả tiền cho bà Lê Thị T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của người vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc bị đơn bà Bùi Thị P phải trả cho bà Thu số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký chữ viết tên với chi phí 5.500.000 đồng. Nguyên đơn bà Lê Thị T đã nộp theo phiếu ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Bùi Thị P phải chịu chí phi này. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 5.500.000 đồng sau khi thu được của bị đơn bà Bùi Thị P.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng. nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T

Buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn Mậu N

[3] Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị P phải chịu 5.500.000 đồng tiền chi phí trưng cầu giám định.

Trả cho bà Lê Thị T số tiền 5.500.000 đồng sau khi thu được của bà Bùi Thị P

[4] Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Văn Dự